

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 147/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1964. Địa chỉ cư trú: Tổ A, khóm T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:*

1. Bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1957

2. Ông **Nguyễn Thái H1**, sinh năm 1961

3. Bà **Nguyễn Thị Tuyết N**, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

4. Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1976. Địa chỉ cư trú: Số A X, phường N, thành phố Cần Thơ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Nguyễn Thị Kim H, ông Nguyễn Thái H1, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Tuyết N, bà Nguyễn Thị Kim T thỏa thuận thống nhất:

- Chia thửa đất số 211-3 (229-2), diện tích 6.542,1m², loại đất CLN (trên đất có căn nhà của bà H) thành 03 phần, cho bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Thái H1 mỗi người được hưởng một phần. Cụ thể:

+ Công nhận cho bà Nguyễn Thị Kim H được hưởng tách thửa 355-1 gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 27, 25, 26, 1 diện tích 2.180.7m² (trên đất có căn nhà của bà H) (thuộc thửa tách 211-3).

+ Công nhận cho bà Nguyễn Thị Kim L được hưởng tách thửa 355-2 gồm các mốc 5, 6, 28, 29, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 27, 5 diện tích 2.180.7m² (thuộc thửa tách 211-3).

+ Công nhận cho ông Nguyễn Thái H1 được hưởng tách thửa 355-3 gồm các mốc 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 29, 28, 6 diện tích 2.180.7m² (thuộc thửa tách 211-3).

- Chia thửa đất số 819-1, diện tích 1.018,7m², loại đất trồng cây lâu năm (trên đất có căn nhà của bà N) cho bà Nguyễn Thị Tuyết N và bà Nguyễn Thị Kim T mỗi người được hưởng một phần, cụ thể:

+ Công nhận cho bà Nguyễn Thị Tuyết N được hưởng tách thửa 543-1, gồm các mốc 1, 2, 11, 10, 1 diện tích 500.7m² (trên đất có căn nhà của bà N) (thuộc thửa tách 819-1).

+ Công nhận cho bà Nguyễn Thị Kim T được hưởng tách thửa 543-2 gồm các mốc 10, 11, 7, 8, 9, 10 diện tích 518.0m² (thuộc thửa tách 819-1).

- Chia thửa đất số 827-1, diện tích 3.011m², loại đất lúa cho bà Nguyễn Thị Tuyết N và bà Nguyễn Thị Kim T mỗi người được hưởng một phần, cụ thể:

+ Công nhận cho bà Nguyễn Thị Tuyết N được hưởng tách thửa 146-1 gồm các mốc 2, 3, 4, 5, 11, 2 diện tích 1.521.5m² (thuộc thửa tách 827-1).

+ Công nhận cho bà Nguyễn Thị Kim T được hưởng tách thửa 146-2 gồm các mốc 11, 5, 6, 7, 11 diện tích 1.489.5m² (thuộc thửa tách 827-1).

Bà H, bà L, ông H1, bà N, bà T thống nhất không phải hoàn trả lại giá trị đất đối với phần diện tích được hưởng nhiều hơn cho nhau. Đối với tài sản trên đất gồm nhà và cây trồng trên đất thuộc phần đất của ai thì người đó hưởng; bà H, ông H1, bà L, bà N, bà T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện B lập ngày 16/6/2025).

2.2. Về chi phí tố tụng: Chi phí khảo sát, đo đạc và xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 12.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Kim H, ông Nguyễn Thái H1, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Tuyết N, bà Nguyễn Thị Kim T thỏa thuận thống nhất mỗi người nộp số tiền 2.400.000 đồng và đã nộp đủ, không phải nộp thêm.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Kim H, ông Nguyễn Thái H1 và bà Nguyễn Thị Kim L là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn tiền án phí cho bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Kim H, ông Nguyễn Thái H1.

- Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết N nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Tuyết N được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 4.284.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000198 ngày 20/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Vậy bà Nguyễn Thị Tuyết N được nhận lại số tiền 3.984.000 đồng (*Ba triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh Vĩnh Long).

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim T nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Kim T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 4.284.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000197 ngày 20/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Vậy bà Nguyễn Thị Kim T được nhận lại số tiền 3.984.000 đồng (*Ba triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh Vĩnh Long).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 3 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 3, tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PTTKT & THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Chí Cường